

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2022/DS-ST
Ngày: 28-7-2022
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán thức ăn gia súc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hoàng Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Minh Hùng.
2. Bà Dương Thị Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Luyến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 110/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán thức ăn gia súc” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2022/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Chu Thị P, sinh năm 1961; Địa chỉ cư trú: Số X, Ấp Y, xã LT, huyện T, tỉnh LA; là chủ hộ kinh doanh BH theo giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 50L8000137, đăng ký lần đầu ngày 12/02/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 19/10/2021.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Võ Thị TQ, sinh năm 1967; Địa chỉ: Khu phố BH, thị trấn T, huyện T, tỉnh LA (Theo văn bản ủy quyền ngày 14/4/2022).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1964; Địa chỉ cư trú: Số Z, Ấp J, xã QMT, huyện T, tỉnh LA.

(Bà TQ, ông A đều có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/4/2022, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn do bà Võ TQ đại diện trình bày:

Bà Chu Thị P là chủ Hộ kinh doanh BH, địa điểm kinh doanh tại Số 224/5, Ấp 5, xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 50L8000137, đăng ký lần đầu ngày 12/02/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 19/10/2021. Ngành nghề kinh doanh bao gồm: Thức ăn gia súc, gia cầm, thức ăn thủy sản, chăn nuôi. Từ năm 2018 đến năm 2020, ông Nguyễn Văn A có mua thức ăn gia súc tại cửa hàng BH, tính đến ngày 17/3/2020, ông A và bà P chốt nợ, ông A còn nợ tiền mua thức ăn gia súc là 17.490.000 đồng đến nay vẫn chưa trả cho bà P. Việc mua bán và chốt nợ đều có ghi sổ theo dõi, có chữ ký xác nhận của ông Nguyễn Văn A. Vì vậy, bà P làm đơn khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn A phải trả cho bà P số tiền mua bán thức ăn gia súc còn nợ là 17.490.000 đồng và tiền lãi chậm trả với lãi suất 10%/năm, tương đương 0,83%/tháng, tính từ ngày 17/3/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn ông Nguyễn Văn A có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không có yêu cầu phản tố.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ và không tiến hành hòa giải được vì đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Chu Thị P là chủ Hộ kinh doanh BH khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn A trả tiền nợ mua thức ăn gia súc và yêu cầu tính lãi chậm trả. Bị đơn ông Nguyễn Văn A hiện đang cư trú tại xã QMT, huyện T, tỉnh LA. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là tranh chấp hợp đồng mua bán thức ăn gia súc thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được do đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không tiến hành hòa giải theo quy định tại khoản 2 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả người tham gia tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng: Từ năm 2018 đến năm 2020, ông Nguyễn Văn A và Hộ kinh doanh BH do bà Chu Thị P là chủ hộ có thỏa thuận giao dịch dân sự về mua bán thức ăn gia súc thuộc ngành, nghề kinh doanh của Hộ kinh doanh BH theo giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 50L8000137, đăng ký lần đầu ngày 12/02/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 19/10/2021. Vì vậy, giao dịch dân sự mua bán thức ăn gia súc giữa nguyên đơn và

bị đơn là hợp pháp và được điều chỉnh theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015. Nguyên đơn khởi kiện và cung cấp sổ ghi tiền nợ mua bán thức ăn gia súc của ông A tính đến ngày chốt nợ là ngày 17/3/2020 thì ông A còn nợ số tiền 17.490.000 đồng, có chữ ký xác nhận nợ ghi rõ họ tên Nguyễn Văn A. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thể hiện yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn không có yêu cầu phản tố và không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì ông Nguyễn Văn A đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền quy định tại Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử buộc ông Nguyễn Văn A có nghĩa vụ trả cho bà Chu Thị P là chủ Hộ kinh doanh BH số tiền mua thức ăn gia súc còn nợ là 17.490.000 đồng. Ngoài ra, theo quy định tại khoản 3 Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015 bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả với lãi suất 10%/năm tương đương 0,83%/tháng, từ ngày 18/3/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Như vậy, ông Nguyễn Văn A phải chịu tiền lãi chậm trả cụ thể như sau: 17.490.000 đồng x 28 tháng 10 ngày x 10%/năm = 4.129.000 đồng. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận toàn bộ, buộc ông Nguyễn Văn A có nghĩa vụ thanh toán cho bà Chu Thị P là chủ Hộ kinh doanh BH số tiền mua bán thức ăn gia súc còn nợ và tiền lãi chậm trả tổng cộng là 21.619.000 đồng.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Văn A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn; bà Chu Thị P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 177, Điều 228, Điều 238, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 430, Điều 434, Điều 440, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Chu Thị P là chủ Hộ kinh doanh BH về “Tranh chấp hợp đồng mua bán thức ăn gia súc” đối với ông Nguyễn Văn A.

Buộc ông Nguyễn Văn A có nghĩa vụ trả cho bà Chu Thị P là chủ Hộ kinh doanh BH số tiền 21.619.000 đồng (Hai mươi một triệu sáu trăm mười chín nghìn

đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn A phải chịu 1.081.000 đồng (Một triệu không trăm tám mươi một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nộp vào ngân sách nhà nước.

Bà Chu Thị P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà P số tiền 610.000 đồng (Sáu trăm mười nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007354 ngày 07/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đoàn Minh Hùng – Dương Thị P

Huỳnh Thị Hoàng Dung